

Số: 974 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 10 tháng 7 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công, lao động, việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu tại Tờ trình số 1000/TTr-SLĐTBXH ngày 20/6/2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thông qua phương án đơn giản hóa đối với 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Người có công, lao động, việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu.

*(Có Phương án đơn giản hoá chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành có liên quan:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành liên quan thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- U2;
- V: V1, V4, CB;
- Lưu: VT, KS.

**Q. CHỦ TỊCH**



**Tổng Thanh Hải**

**Phụ lục:**  
**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**TRONG LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG, LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG -**  
**THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH LAI CHÂU**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2023  
của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu*

**1. Thủ tục: Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an**

*1.1. Nội dung đơn giản hóa*

- Nội dung: Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 24 ngày làm việc xuống 16,5 ngày làm việc (*thời gian giải quyết cấp tỉnh từ 12 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc*)

- Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

*1.2. Kiến nghị thực thi:* Đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính*).

*1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 24 ngày làm việc xuống còn 16,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 31,25% so với quy định.

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 1 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 97.547.670 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 70.570.470 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 26.977.200 đồng/năm. Giảm được 27,7% chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

## **2. Thủ tục: Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động**

### *2.1. Nội dung đơn giản hóa*

- Nội dung: Cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống 11,5 ngày làm việc (*thời gian giải quyết ở Sở Lao động - TB&XH từ 10 ngày làm việc xuống còn 4,5 ngày làm việc*).

- Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

*2.2. Kiến nghị thực thi:* Đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*sửa thời gian giải quyết thủ tục hành chính*).

### *2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa*

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Sau khi cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 17 ngày làm việc xuống còn 11,5 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 32,3% so với quy định.

- Tiết kiệm chi phí thực hiện thủ tục hành chính:

+ Ước tính tần suất giải quyết thủ tục hành chính trong 1 năm là: 10 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 75.638.814 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 53.734.910 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm sau đơn giản hóa thủ tục hành chính: 21.903.904 đồng/năm. Giảm được 29% chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính./.

**BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Tên thủ tục hành chính: Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an

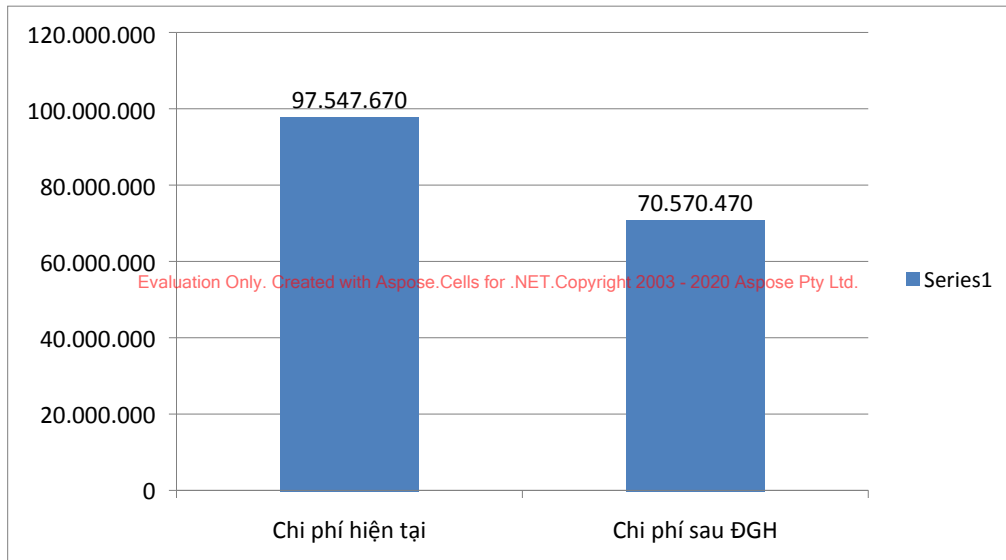
**A CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ, xăng xe đi lại (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Thành phần HS 1	Điền thông tin vào Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	1.5	44.962			1	10	67.443	674.430	
1.2	Thành phần HS 2	Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng hoặc Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.	2	44.962	200000	5000	1	10	294.924	2.949.240	
<b>2</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	4	44.962	200.000		1	10	379.848	3.798.480	

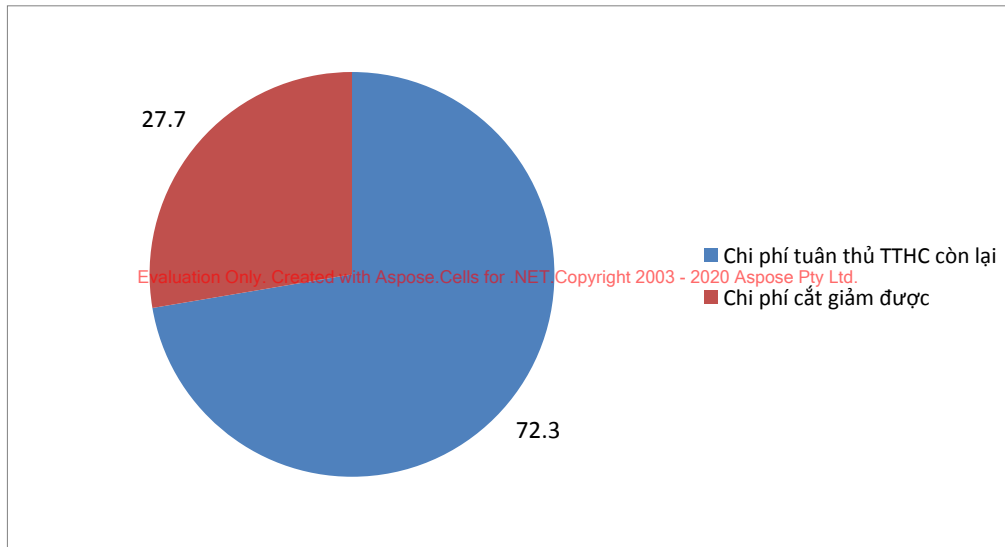


1.1	Thành phần HS 1	Điền thông tin vào Bản khai Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP	1.5	44.962			1	10	67.443	674.430
1.2	Thành phần HS2	Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng hoặc Bản sao được chứng thực từ quyết định truy tặng danh hiệu anh hùng hoặc Bản sao được chứng thực từ quyết định phong tặng hoặc bản sao được chứng thực từ Bằng anh hùng và giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.	2	44.962	200000	5000	1	10	294.924	2.949.240
<b>2</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	4	44.962	200.000		1	10	379.848	3.798.480
		Bưu điện							0	0
		Internet							0	0
<b>3</b>	<b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>								0	0
<b>4</b>	<b>Tiếp nhận, thẩm định, dự thảo, trình lãnh đạo Quyết định</b>	Kiểm tra	132	44.962			1	10	5.934.984	59.349.840
<b>5</b>	<b>Công việc khác (nếu có)</b>							0	0	0
<b>6</b>	<b>Nhận kết quả</b>	Trực tiếp	4	44.962	200.000		1	10	379.848	3.798.480
		Bưu điện							0	0

		Internet							0	0
		Khác							0	0
<b>TỔNG</b>			144	224.810	600.000	5.000	5	30	7.057.047	70.570.470



Chi phí hiện tại	Chi phí sau ĐGH
97.547.670	70.570.470
	26.977.200



73.5319358	26.46806417
Chi phí tuân thủ TTHC còn lại	Chi phí cắt giảm được
72.3	27.7



**PHỤ LỤC**

**BẢNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Tên thủ tục hành chính: **Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động**

**A CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI**

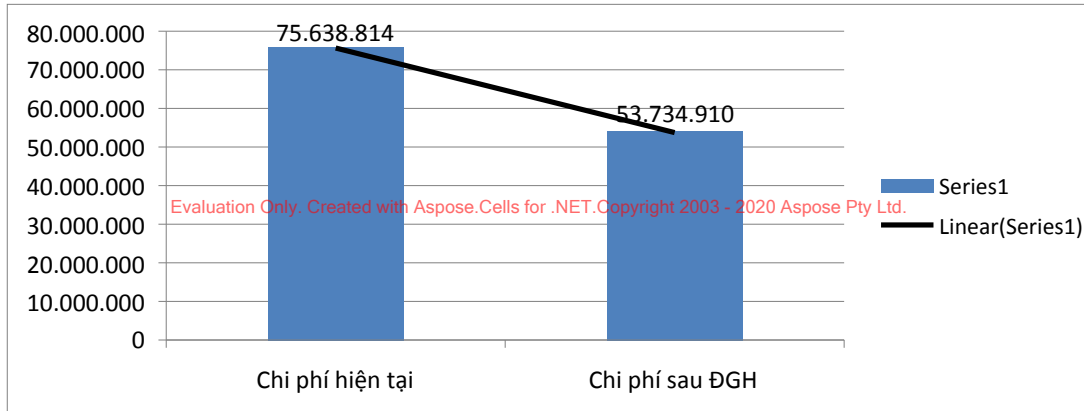
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ, xăng xe đi lại	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Thành phần HS 1	Làm văn bản đề nghị	1.5	44 .962			1	10	67.443	674.430	
1.2	Thành phần HS 2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan	4	44 .962	200 .000	30 .000	1	10	409.848	4.098.480	
1.3	Thành phần HS 3	Làm Bản lý lịch tự thuật Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính	4	44 .962			1	10	179.848	1.798.480	
<b>2</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	4	44 .962	200 .000		1	10	379.848	3.798.480	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
<b>3</b>	<b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>						1	10	0	0	
<b>4</b>	<b>Tiếp nhận, thẩm định, dự thảo, trình lãnh đạo Quyết định</b>	Kiểm tra	136	44 .962			1	10	6.114.832	61.148.320	
<b>5</b>	<b>Công việc khác (nếu có)</b>								0	0	
<b>6</b>	<b>Nhận kết quả</b>	Trực tiếp	4	44 .962	200 .000		1	10	379.848	3.798.480	
		Bưu điện							0	0	

		Internet								0
		Khác								0
<b>TỔNG</b>			158	300 .308	800 .000	30 .000			7.853.811	75.638.814

### B. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

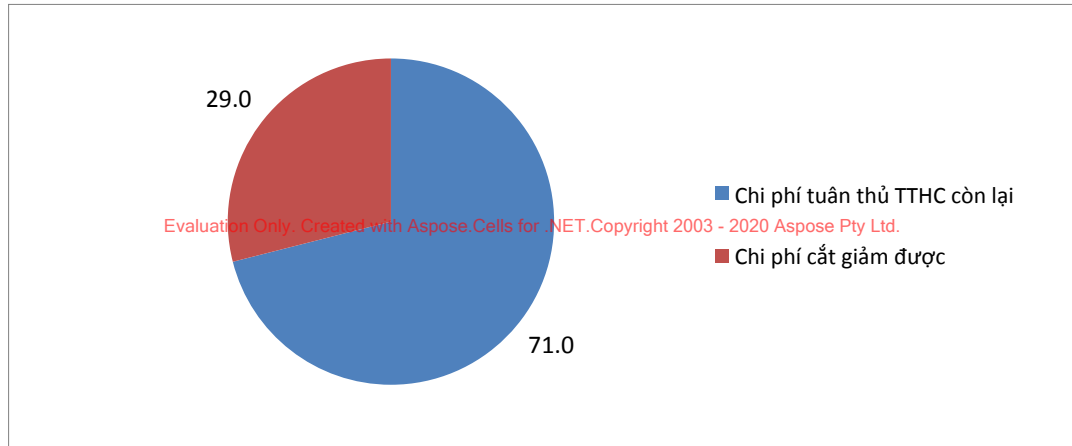
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ, xăng xe đi lại	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chuẩn bị hồ sơ</b>										
1.1	Thành phần HS 1	Điền thông tin vào Bản khai theo mẫu	1.5	44 .962			1	10	67.443	674.430	
1.2	Thành phần HS2	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan	4	44 .962	200 .000	30 .000	1	10	409.848	4.098.480	
1.3	Thành phần HS 3	Làm Bản lý lịch tự thuật Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính									
<b>2</b>	<b>Nộp hồ sơ</b>	Trực tiếp	4	44 .962	200 .000		1	10	379.848	3.798.480	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
<b>3</b>	<b>Nộp phí, lệ phí, chi phí khác</b>						1	10	0	0	
<b>4</b>	<b>Tiếp nhận, thẩm định, dự thảo, trình lãnh đạo Quyết định</b>	Kiểm tra	92	44 .962			1	10	4.136.504	41.365.040	
<b>5</b>	<b>Công việc khác (nếu có)</b>								0	0	
<b>6</b>	<b>Nhận kết quả</b>	Trực tiếp	4	44 .962	200 .000		1	10	379.848	3.798.480	
		Bưu điện							0	0	

	Internet							0	0
	Khác							0	0
<b>TỔNG</b>		106	224 .810	600 .000	30 .000			5.373.491	53.734.910



Chi phí hiện tại	Chi phí sau ĐGH
75.638.814	53.734.910

21.903.904



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại	Chi phí cắt giảm được
71.0	29.0